

Bản án số: 223/2017/DS-PT  
Ngày 21 tháng 9 năm 2017  
V/v “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu  
tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Vũ Ngọc Huynh

***Các Thẩm phán:*** Ông Lê Hoàng Tấn

Ông Phan Đức Phương

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thái Lê Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao  
tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh  
tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2017/TLPT-DS ngày 03/5/2017 về việc “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 493/2016/DS-ST ngày 24/5/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 324/2017/QĐPT-DS ngày 05/6/2017 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1962; (có mặt)

Địa chỉ: đường B, Phường O, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: đường P, Phường X, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Bị đơn:*** Phòng Công chứng D.

Địa chỉ: đường H1, Phường D1, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện theo ủy quyền của bị đơn:*** Ông Tạ Hoàng A, sinh năm 1979; (có mặt). Theo văn bản ủy quyền ngày 15/6/2017.

Địa chỉ: đường T3, Phường M, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Ông Nguyễn Chí D2, sinh năm 1964; (xin vắng mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị Kim P1, sinh năm 1959; (xin vắng mặt)

3/ Bà Nguyễn Thị Hoàng O, sinh năm 1961; (xin vắng mặt)

4/ Ông Nguyễn Thiên Q, sinh năm 1980; (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: đường B, Phường O1, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Ông Nguyễn Chí T2, sinh năm 1968; (xin vắng mặt)

6/ Ông Nguyễn Chí H2, sinh năm 1966; (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: đường P2, phường T4, quận T5, Thành phố Hồ Chí Minh.

7/ Ông Nguyễn Chí Q1, sinh năm 1960; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: East Broadway Vancouver, BC V5T 1Y3 – Canada.

8/ Bà Nguyễn Thị Dạ T6, sinh năm 1970; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: đường P2, phường T4, quận T5, Thành phố Hồ Chí Minh.

9/ Ông Nguyễn Chí H, sinh năm 1965; (có mặt)

Địa chỉ: Đường DE, phường H3, quận T7, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Người kháng cáo:*** Người có QLNVLQ Nguyễn Chí H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:****Nguyên đơn - ông Nguyễn Chí T trình bày:**

Cha, mẹ của ông Nguyễn Chí T là cụ Nguyễn Văn C, chết ngày 06/4/2011 và cụ Tống Thị M, chết ngày 26/10/2011. Hai cụ có 10 người con chung gồm:

1. Bà Nguyễn Thị Kim P1 I, sinh năm 1957, chết năm 1990. Có con là anh Nguyễn Thiên Q, sinh năm 1983.

2. Bà Nguyễn Thị Kim P1 II, sinh năm 03/6/1959;

3. Ông Nguyễn Chí Q1, sinh ngày 01/6/1960;

4. Bà Nguyễn Thị Hoàng O, sinh năm 1961;

5. Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1962;

6. Ông Nguyễn Chí D2, sinh năm 1964;

7. Ông Nguyễn Chí H, sinh năm 1965;

8. Ông Nguyễn Chí H2, sinh năm 1966;

9. Ông Nguyễn Chí T2, sinh năm 1968;

10. Bà Nguyễn Thị Dạ T6, sinh năm 1970;

Cụ C và cụ M không có con nuôi, con ngoài giá thú nào khác.

Trước khi chết, cụ C để lại di sản là toàn bộ khu nhà, đất diện tích 700m<sup>2</sup> tọa lạc tại đường B, phường O1, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản này do cụ C được hưởng theo di chúc của cha, mẹ cụ C là cố Nguyễn Văn P3 và cố Lý Thị L theo văn bản đề nghị nhận thừa kế ngày 30/3/2009, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 2246 ngày 30/9/2003. Tài sản nêu trên được sang tên cụ C ngày 14/4/2009.

Ngày 01/4/2011 cụ Nguyễn Văn C lập di chúc do Phòng Công chứng D chứng nhận với nội dung cụ C giao lại cho ông Nguyễn Chí Q1 được thừa hưởng toàn bộ diện tích đất đai xung quanh đền thờ tổ tiên là không đúng với ý nguyện của cụ C, vì trong thời gian này cụ C bị bệnh u xơ gan thời kỳ cuối, sức khỏe sa sút trầm trọng. Tính từ lúc phát bệnh cho đến khi cụ C mất là gần 25 ngày. Do sức khỏe của cụ C bị suy kiệt nên không thể đi lập di chúc tại Phòng Công chứng D. Đối với giấy khám sức khỏe do Bệnh viện quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/3/2011 có ghi cụ C sáng suốt, minh mẫn, khỏe mạnh vào ngày ông C lập di chúc (ngày 01/4/2015) là không có cơ sở. Trong bản di chúc không đề cập đến người quản lý trông nom di sản cũng là nơi để thờ phụng, hương khói tổ tiên. Bản di chúc đã loại bỏ phần thừa kế của ông T, bà Hoàng O, ông Thiên Q là những người có hộ khẩu tại địa chỉ đường B, Phường O1, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh là không đúng. Toàn bộ nội dung của bản di chúc là bất hợp lý, thể hiện sự không trung thực của ông Nguyễn Chí D2 và bà Nguyễn Thị Kim P1 câu kết cùng với Công chứng viên Tạ Hoàng O1 nhằm chiếm đoạt tài sản của cụ C chết để lại.

Do đó ông T đề nghị hủy bỏ tờ di chúc ngày 01/4/2011 do cụ C lập tại Phòng Công chứng D, Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời yêu cầu bồi thường số tiền 40 tỷ đồng tương đương với khoảng 365m<sup>2</sup> đất (phần đất có đền thờ và nhà ở) và yêu cầu bồi thường về thể chất và tinh thần. Tại bản tự khai ngày 10/12/2014, ông T xin rút lại các yêu cầu đòi bồi thường, nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu tuyên bố bản di chúc vô hiệu.

**Bị đơn - Phòng công chứng D Thành phố Hồ Chí Minh do ông Tạ Hoàng A và ông Đỗ Quốc D3 đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Di chúc ngày 01/4/2011 do cụ Nguyễn Văn C lập tại Phòng Công chứng D đã được thực hiện đúng trình tự thủ tục theo Luật Công chứng. Nội dung di chúc không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Tại thời điểm lập di

chúc, người lập di chúc là cụ C đã được xác định tinh thần còn minh mẫn, tiếp xúc tốt theo giấy khám sức khỏe của Trung tâm y tế quận B1, nên Công chứng viên xác định bản thân cụ C tại thời điểm lập di chúc có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Phòng công chứng D, Thành phố Hồ Chí Minh không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

**Người có quyền, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Chí Q1 trình bày:**

Thống nhất với phần trình bày của ông T về nhân thân và tài sản của cụ C. Ông Nguyễn Chí Q1 hoàn toàn đồng ý và chấp nhận tờ di chúc đánh máy làm ngày 01/4/2011 có chữ ký và lấn tay của cụ C. Ông Q1 đã đính kèm thêm 02 tờ di chúc viết tay do cụ C lập vào ngày 15/5/2006 và ngày 12/3/2007 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nội dung của hai tờ di chúc trên đều thể hiện cụ C giao lại cho ông Q1 được thừa hưởng toàn bộ diện tích đất đai xung quanh đền thờ tổ tiên. Ông Q1 yêu cầu Tòa án công nhận tờ di chúc ngày 01/4/2011 do cụ C lập tại Phòng Công chứng D. Ông Q1 xin vắng mặt trong các buổi hòa giải, xét xử.

**Người có quyền, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Chí H2, ông Nguyễn Chí T2 trình bày:**

Thống nhất với phần trình bày của ông T về nhân thân và tài sản của cụ C. Đề nghị Tòa án bác đơn yêu cầu khởi kiện của ông T và công nhận tờ di chúc do cụ C lập ngày 01/4/2011 là hợp pháp. Ông H2, ông T2 xin vắng mặt trong các buổi hòa giải, xét xử.

**Người có quyền, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Hoàng O, bà Nguyễn Thị Dạ T6 trình bày:**

Thống nhất với phần trình bày của ông Trung về nhân thân và tài sản của ông Chương. Bà Nguyễn Thị Hoàng O và bà Nguyễn Thị Dạ T6 không có yêu cầu, tranh chấp gì đối với vụ án này. Bà O, bà T6 xin vắng mặt trong các buổi hòa giải, xét xử.

**Người có quyền, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Kim P1, ông Nguyễn Chí D2 trình bày:**

Thống nhất với phần trình bày của ông T về nhân thân và tài sản của cụ C. Vào ngày 01/4/2011, ông D2, cụ C và 02 người quen là ông Trần Văn T và bà Đặng Thị Ngọc H4 đến Phòng Công chứng D để xin công chứng tờ di chúc do cụ C lập theo nguyện vọng. Sau đó có 02 Công chứng viên của Phòng Công chứng D đến đặt ra cho cụ C những câu hỏi thông thường nhằm kiểm tra sự minh mẫn sáng suốt của cụ C. Ngoài ra 02 Công chứng viên còn kêu cụ C ghi rõ họ tên và ký tên trước mặt mọi người. Sau đó, công chứng viên Tạ Hoàng A đã công chứng tờ di chúc đúng thủ tục và đúng quy trình với sự làm chứng của ông

Dũng và 02 người làm chứng. Ông D2, bà P1 xin vắng mặt trong các buổi hòa giải, xét xử.

**Người có quyền, nghĩa vụ liên quan - anh Nguyễn Thiên Q trình bày:**

Trong quá trình làm di chúc của cụ C để lại tài sản, ông Q không biết gì. Ông Q xin vắng mặt trong các buổi hòa giải, xét xử.

**Người có quyền, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Chí H trình bày:**

Ông thống nhất với phần trình bày của ông T về nhân thân và tài sản của cụ C. Trong thời gian trước khi lập di chúc 20 ngày cụ C đã nhập viện và Bác sĩ đã trả về vì đã kiệt sức. Ông H luôn ở cận kề bên cụ C nhưng không thấy có việc lập di chúc, không thấy có tờ khám sức khỏe của cụ C. Ông có khiếu nại đến Phòng Công chứng D thì ông D3 có ghi thêm xác nhận và ký tên của bà Đặng Thị Ngọc H4 vào mặt sau của trang 02 di chúc. Đây là bản di chúc không trung thực với ý đồ chiếm đoạt tài sản của những người có liên quan trong gia đình. Ông H đề nghị xác nhận chữ ký của nhân chứng tại mặt sau trang 2 của bản di chúc, thời gian công bố di chúc tại UBND địa phương có được thực hiện bằng các văn bản niêm yết hợp pháp không và yêu cầu hủy bỏ di chúc bất hợp pháp.

**Người làm chứng là bà Đặng Thị Ngọc H4 trình bày:**

Tại thời điểm lập di chúc bà Hà được biết cụ C vẫn còn minh mẫn, bà H4 có chứng kiến cụ C được nghe đọc lại di chúc và xác nhận đồng ý hoàn toàn tự nguyện. Bà H4 có ký tên, lăn tay với tư cách là người làm chứng trong tờ di chúc. Bà H4 xin vắng mặt trong các buổi hòa giải, xét xử.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 493/2016/DS-ST ngày 24/5/2016, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:***

*Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Chí T;*

*Giữ nguyên bản di chúc do ông Nguyễn Văn C lập vào ngày 01/4/2011 tại Phòng Công chứng D, Thành phố Hồ Chí Minh.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/6/2016, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Chí H kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đến việc cụ Tổng Thị M là vợ của cụ Nguyễn Văn C mới chết năm 2011. Đồng thời chưa xem xét đến việc vào năm 2005 cụ C đã tự nguyện tặng cho ông H một phần đất trong khu đất của cụ C để lại. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 09/6/2017, bà Nguyễn Thị Mỹ H5 có đơn khiếu nại gửi Tòa án cấp phúc thẩm với lý do bà H5 đã được cụ Nguyễn Văn C chuyển nhượng 30m<sup>2</sup> đất

trong khu đất của cụ C lập di chúc cho ông Q1 và nộp kèm theo 01 Hợp đồng chuyển nhượng đất ở ghi ngày 20/6/2005, giữa bên chuyển nhượng là cụ Nguyễn Văn C với bên nhận chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị Mỹ H5. Hợp đồng này thể hiện diện tích đất chuyển nhượng nằm trong khu đất của cụ C lập di chúc nêu trên. Bà H5 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi của cho bà H5.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Ông H yêu cầu Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện phòng công chứng xác định việc công chứng đã tuân thủ các quy định của luật, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Di chúc của cụ C lập đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H và bà H5. Tòa án cấp sơ thẩm chưa đưa bà H5 vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và kết quả tranh tụng của các đương sự, của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Về tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo, nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã được đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm có một số đương sự vắng mặt, nhưng các đương sự này đã có đơn xin vắng mặt khi tòa án xét xử, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung:

[2] Vợ chồng cụ Nguyễn Văn C (chết ngày 06/4/2011) và cụ Tống Thị M (chết ngày 26/10/2011) có 10 người con gồm:

1. Bà Nguyễn Thị Kim P1 I, sinh năm 1957, chết năm 1990. Có con là anh Nguyễn Thiên Q, sinh năm 1983.

2. Bà Nguyễn Thị Kim P1 II, sinh năm 03/6/1959;

3. Ông Nguyễn Chí Q1, sinh ngày 01/6/1960;
4. Bà Nguyễn Thị Hoàng O, sinh năm 1961;
5. Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1962;
6. Ông Nguyễn Chí D2, sinh năm 1964;
7. Ông Nguyễn Chí H, sinh năm 1965;
8. Ông Nguyễn Chí H2, sinh năm 1966;
9. Ông Nguyễn Chí T2, sinh năm 1968;
10. Bà Nguyễn Thị Dạ T6, sinh năm 1970;

Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 2246/SXD ngày 30/9/2003, tờ khai lệ phí trước bạ ngày 16/5/2015, văn bản đề nghị nhận thừa kế ngày 30/3/2009 đã có đủ cơ sở để xác định cụ Nguyễn Văn C là người được hưởng thừa kế di sản của cô Nguyễn Văn P3 và cô Lý Thị L đối với khu nhà đất đường B, Phường O1, Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Chí H: Theo giấy chứng tử thể hiện cụ Minh chết sau của cụ C, nên cụ M được hưởng 2/3 của một kỹ phần trong khối di sản của cụ C để lại mà không phụ thuộc vào di chúc. Do đó, sau khi cụ M chết thì những người người thừa kế của cụ M vẫn được hưởng phần di sản do cụ M đã được hưởng từ di sản của cụ C để lại cho cụ M. Hơn nữa, tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông H đã cung cấp chứng cứ là giấy viết tay ngày 30/7/2005 có nội dung cụ C tặng cho ông H 20m<sup>2</sup> đất trong khu đất của cụ C. Ông H xác định đã làm nhà để ở trước khi cụ C chết, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét chứng cứ này mà vẫn công nhận di chúc của cụ C lập ngày 01/4/2011 là hợp pháp là chưa có căn cứ vững chắc.

[4] Ngoài ra, theo đơn khiếu nại của bà H5 thì cụ C đã chuyển nhượng cho bà H5 30m<sup>2</sup> đất trong khu đất của cụ C lập di chúc nêu trên. Tuy nhiên, bà H5 xác định tại Tòa án cấp sơ thẩm bà H5 không cung cấp chứng cứ này, nên Tòa án cấp sơ thẩm không thể, biết để đưa bà H5 vào tham gia tố tụng để giải quyết yêu cầu của bà H5 được. Đây được coi là tình tiết mới của vụ án phát sinh tại Tòa án cấp phúc thẩm. Như vậy, nếu việc chuyển nhượng đất giữa cụ C với bà H5 theo Hợp đồng chuyển nhượng đất ở ngày 20/6/2005 là có thật thì việc cụ C lập di chúc nêu trên đã xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của bà H5, nên cần phải đưa bà H5 vào tham gia tố tụng mới đảm bảo việc giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

[5] Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát, chấp nhận kháng cáo của ông H, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm,

giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị huỷ nên ông H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Chí H; huỷ toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 493/2016/DS-ST ngày 24/5/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Chí T, bị đơn là Phòng Công chứng D và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Chí H không phải chịu. Trả lại cho ông H số tiền 200.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 02898 ngày 03/6/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**Vũ Ngọc Huynh**

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP. HCM (1);
- TAND TP. HCM (1);
- VKSND TP. HCM (1);
- Cục THA DS TP. HCM (1);
- Các đương sự (17);
- Lưu (3), 22b.